CTCP Tập đoàn Nagakawa (HNX: NAG)

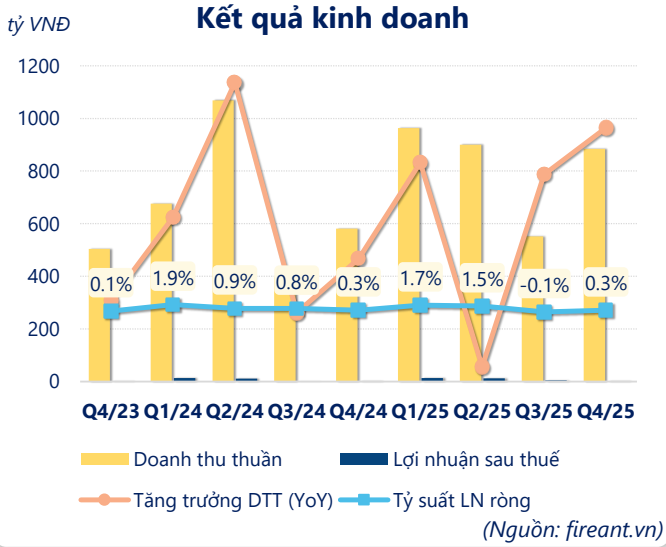
Ngày 31/12/2025	8,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-37.9%	-38.3%

ROE (2025): 7.1% | +/- YoY ▲ 0.6%

	Q4/25	QoQ	YoY
DT thuần	885 tỷ VNĐ	▲ 333 ▲ 60.2%	▲ 304 ▲ 52.2%
LN gộp	61.8 tỷ VNĐ	▼ 0.10 ▼ 0.2%	▲ 13.5 ▲ 27.9%
LN thuần	6.01 tỷ VNĐ	▲ 2.41 ▲ 67.0%	▲ 0.22 ▲ 3.8%
LN sau thuế	2.37 tỷ VNĐ	▼ 2.11 ▼ 47.2%	▲ 0.03 ▲ 1.1%

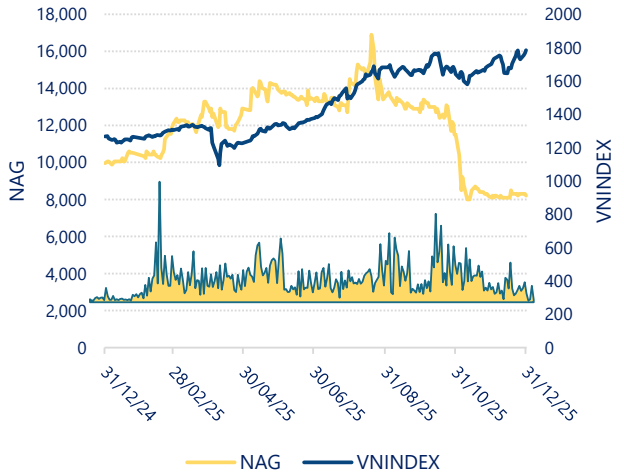
	2025	YoY
DT thuần	3,300 tỷ VNĐ	▲ 577 ▲ 21.2%
LN gộp	302 tỷ VNĐ	▲ 5.00 ▲ 1.5%
LN thuần	46.6 tỷ VNĐ	▲ 13.5 ▲ 40.8%
LN sau thuế	33.3 tỷ VNĐ	▲ 6.40 ▲ 23.5%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

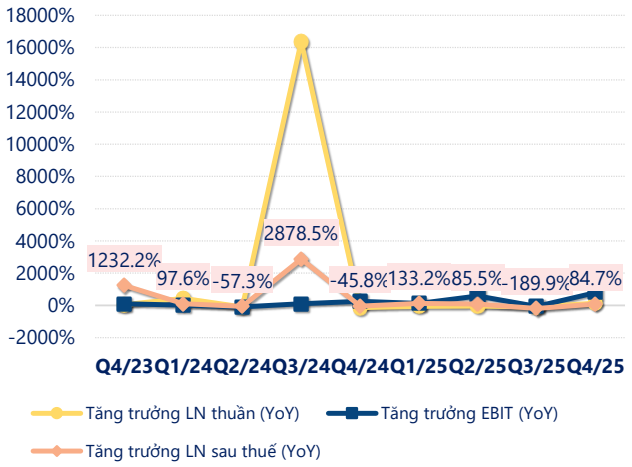


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP Tập đoàn Nagakawa (HNX: NAG)

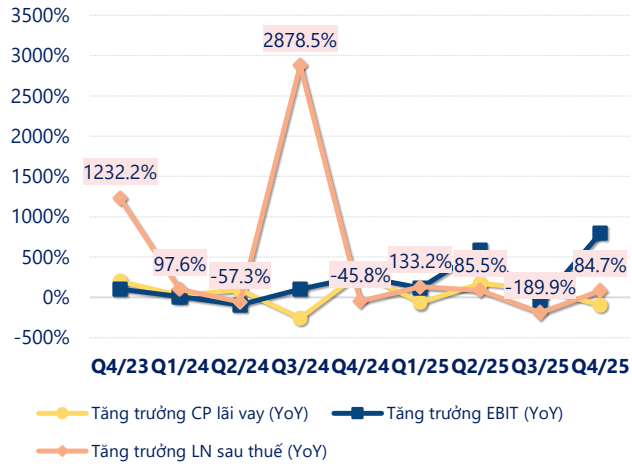
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



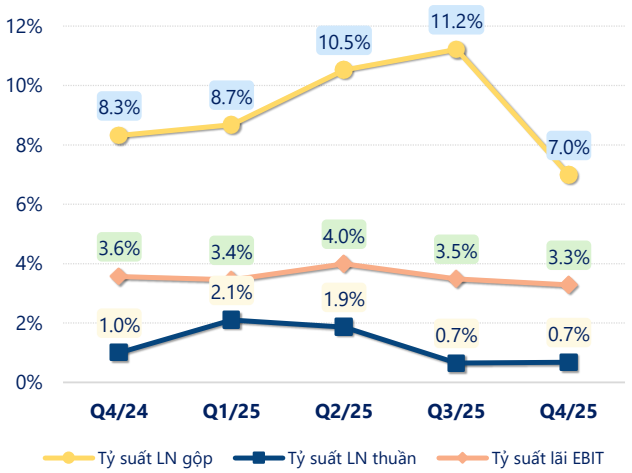
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



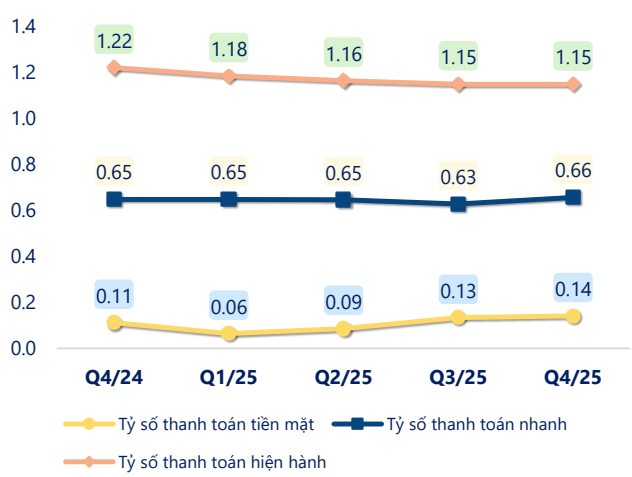
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



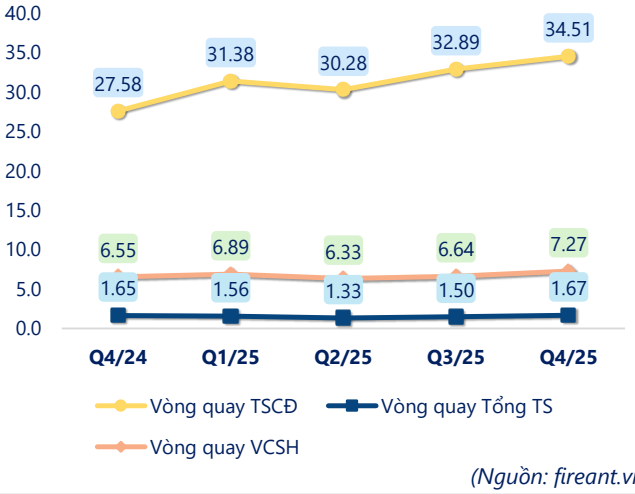
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



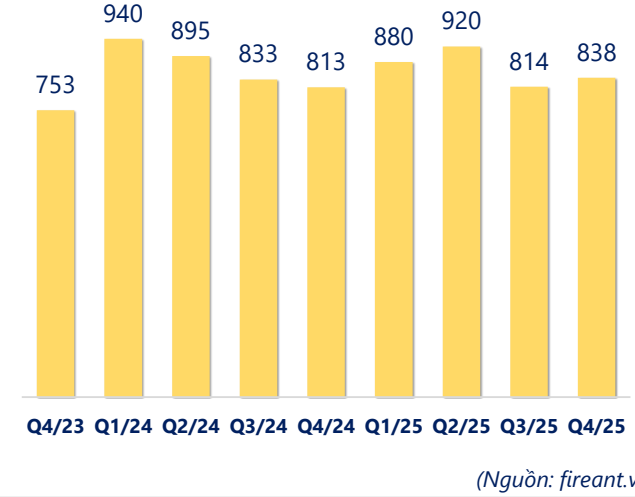
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

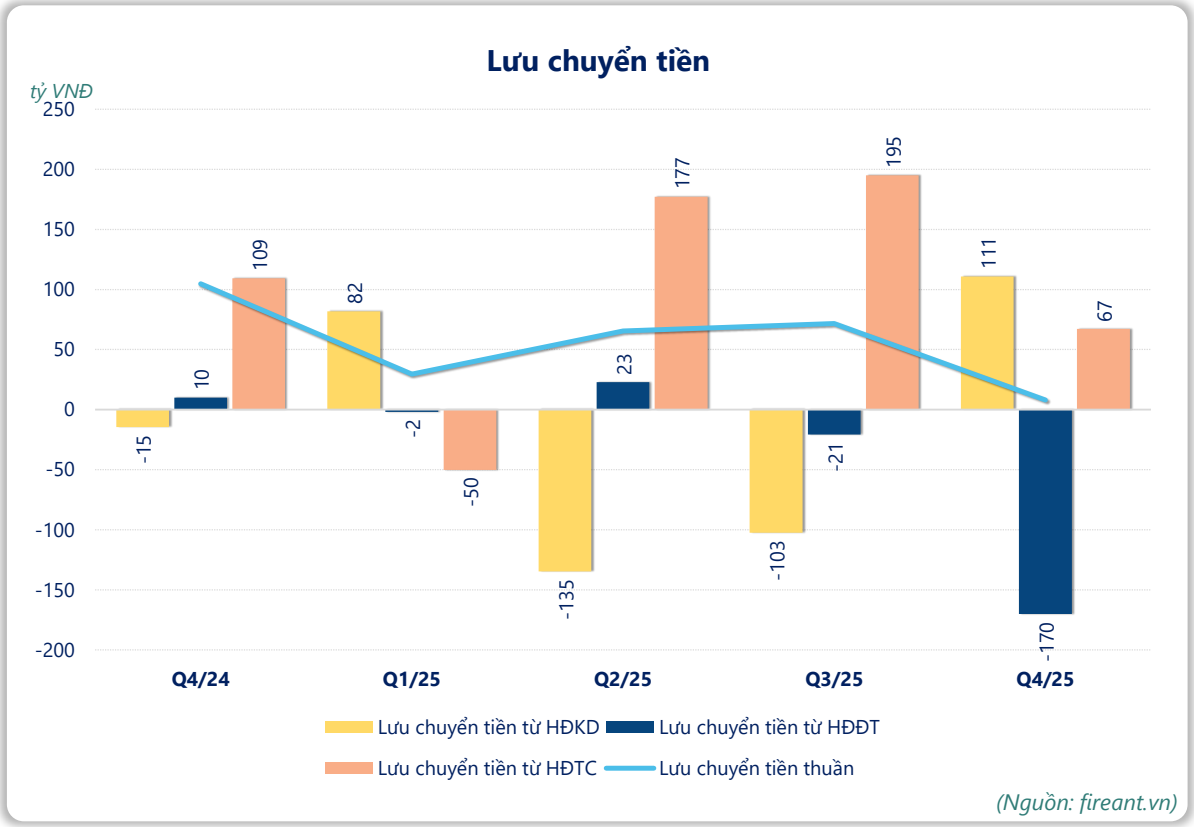


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Tập đoàn Nagakawa (HNX: NAG)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**885**	**581**	**52.2%**	**3,300**	**2,723**	**21.2%**
Giá vốn hàng bán	823	532	54.7%	2,998	2,426	23.6%
Lợi nhuận gộp	61.8	48.3	27.9%	302	297	1.5%
Doanh thu HĐTC	12.3	10.3	19.1%	20.5	25.0	-18.0%
Chi phí TC	29.2	21.2	37.6%	96.4	77.5	24.3%
Chi phí lãi vay	25.3	18.1	39.6%	74.2	63.7	16.5%
LN trong công ty LKLD	**0.14**	**2.90**	**-95.0%**	**1.03**	**0.23**	**350%**
Chi phí bán hàng	27.3	31.6	-13.5%	135	170	-20.2%
Chi phí QLDN	**11.7**	**2.92**	**299%**	**45.2**	**42.4**	**6.6%**
LN thuần từ HĐKD	6.01	5.79	3.8%	46.6	33.1	40.8%
Lợi nhuận khác	**-2.22**	**-3.18**	**30.1%**	**-3.37**	**2.26**	**-249%**
LN trước thuế	3.79	2.61	45.2%	43.2	35.4	22.3%
Lợi nhuận sau thuế	**2.37**	**2.34**	**1.1%**	**33.3**	**26.9**	**23.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.80**	**1.89**	**48.2%**	**32.4**	**27.0**	**20.0%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)